

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

**NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng
số 68-HĐBT ngày 6-3-1990 ban
hành Quy chế chấp hành viên.**

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Pháp lệnh Thi hành án dân sự do Hội đồng Nhà nước ban hành ngày 28 tháng 8 năm 1989;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy chế chấp hành viên.

Điều 2. — Bộ Tư pháp có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

Điều 3. — Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng các bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 4. — Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÔ VĂN KIỆT

QUY CHẾ Chấp hành viên

(ban hành kèm theo Nghị định số 68-HĐBT ngày 6 tháng 3 năm 1990 của Hội đồng Bộ trưởng).

Chương I**CHẤP HÀNH VIÊN**

Điều 1. — Chấp hành viên là người được Nhà nước giao trách nhiệm thi hành các bản án, quyết định của Tòa án quy định tại điều 3 của Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

Tại các Tòa án tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (gọi tắt là tỉnh); các Tòa án quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện) có chấp hành viên.

Điều 2. — Biên chế chấp hành viên của mỗi Tòa án do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định, căn cứ vào khối lượng công việc thực tế của Tòa án đó. Nơi nào có từ 2 chấp hành viên trở lên thì được bổ nhiệm một chấp hành viên trưởng.

Điều 3. — Chấp hành viên trưởng và chấp hành viên chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chánh án Tòa án Nhân dân nơi chấp hành viên cộng tác; chịu sự quản lý, kiểm tra tổ chức và hoạt động của cơ quan Tư pháp cấp trên và thực hiện các quyết định của Chánh án Tòa án cấp trên theo quy định của Pháp lệnh Thi hành án dân sự.

Điều 4. — Người được bổ nhiệm làm chấp hành viên phải có phẩm chất chính trị, trung thực, khách quan, có kiến thức pháp lý cần thiết và nắm vững nghiệp vụ

096577
LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

thi hành án, cô tình thần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Người được bổ nhiệm làm chấp hành viên trưởng phải có tiêu chuẩn như chấp hành viên, đã làm chấp hành viên hoặc thẩm phán cùng cấp từ 2 năm trở lên; ngoài ra còn phải có năng lực quản lý, điều hành công việc của bộ phận thi hành án.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể các tiêu chuẩn của chấp hành viên và chấp hành viên trưởng.

Điều 5. — Lương và chế độ phụ cấp theo lương của chấp hành viên và chấp hành viên trưởng thực hiện theo thang, bậc lương của thẩm phán cùng cấp; Bộ trưởng các Bộ: Tư pháp, Lao động — thương binh và xã hội, Tài chính hướng dẫn cụ thể việc thực hiện.

Chương II

PHÙ HIỆU, CHẾ ĐỘ TRANG PHỤC THẺ CHẤP HÀNH VIÊN

Điều 6. — Chấp hành viên được cấp trang phục, phù hiệu thống nhất sau đây:

- Phù hiệu gắn trên mũ và ve áo;
- Quần áo thu đông, xuân hè;
- Các trang phục cần thiết khác.

Điều 7. — Phù hiệu CHẤP HÀNH VIÊN là biểu tượng quyền lực của Nhà nước giao cho chấp hành viên.

Phù hiệu gắn trên mũ làm bằng kim loại dày 1,5 mm hình tròn, đường kính

30mm, phía trái và phải phù hiệu mỗi bên có bốn bông lúa vàng, phía trên cùng nơi tiếp giáp giữa hai ngọn bông lúa là ngôi sao đỏ nền đường kính 1,8 mm, chính giữa phù hiệu là một lá chắn và hai thanh kiếm đặt chéo phía sau, mũi kiếm chúc xuống phía dưới, hai đuôi kiếm nhô lên phía trên, đường kính 1,5 mm màu bạch kim, trên nền đỏ có những tia của ngôi sao phía trên chiếu xuống, xung quanh hình lá chắn có 12 vòng nhỏ như 12 đầu đinh, phía dưới có nửa bánh xe răng, đường kính 4 mm xanh thẫm, nằm ngang giữa vòng tròn có ba chữ CHV (viết tắt của ba chữ chấp hành viên) màu bạch kim nổi; phía sau phù hiệu có đinh ốc để gắn vào mũ.

Phù hiệu gắn trên ve áo hình bình hành dài 50mm, rộng 32mm nền màu xanh lơ, giữa bề mặt phù hiệu (trên hình bình hành) gắn lá chắn, hai thanh kiếm, chiều cao từ đầu kiếm đến mũi kiếm 25mm; chiều rộng lá chắn 10mm, xung quanh phù hiệu viền màu bạch kim chiều rộng đường viền 3mm, chiều dài và chiều ngang bằng phù hiệu.

Điều 8. — Trang phục chấp hành viên bao gồm:

— Quần áo thu đông, quần áo xuân hè, mũ kêpi, mũ cứng, coravat, giày da, dép nhựa, bút tất, thắt lưng da, áo mưa, sắc cốt đựng tài liệu.

— Mẫu quần áo, màu sắc quần áo do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định cụ thể.

Điều 9. — Thẻ chấp hành viên màu hồng tươi, bề ngang 75mm, bề dài 100mm gồm 2 mặt:

Mặt trước: Có ghi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Thẻ chấp hành viên.

Số:

Họ, tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Phía trái có phù hiệu chấp hành viên,
dưới phù hiệu là ảnh chấp hành viên cỡ
3 × 4 cm.

Chữ ký chấp hành viên

Ngày tháng năm
BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP
(Ký tên, đóng dấu)

Từ góc trên bên trái đến góc dưới bên phải thẻ có gạch chéo rộng 10 mm, màu đỏ tươi, giữa gạch chéo có hình ngôi sao 5 cánh màu vàng.

Mặt sau: Có ghi: « Cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân có trách nhiệm giúp đỡ thực hiện yêu cầu của chấp hành viên trong việc thi hành án ».

Chương III

CHẾ ĐỘ CẤP PHÁT VÀ SỬ DỤNG

Điều 10. — Các trang phục cấp và sử dụng lâu dài: Phù hiệu gắn trên mũ và ve áo.

Điều 11. — Các trang phục cấp để sử dụng có thời hạn:

— Quần áo thu đông mặc ngoài một bộ 4 năm.

— Quần áo xuân hè mặc ngoài một bộ 2 năm.

- Áo sơ mi dài tay một cái 2 năm.
- Giày da một đôi 4 năm.
- Thất lưng giả da một chiếc 4 năm.
- Dép nhựa một đôi một năm.
- Tất chân 2 đôi 2 năm.
- Cờavat 2 cái 4 năm.
- Áo mưa một chiếc 4 năm.
- Mũ Kêpi một chiếc 4 năm.
- Mũ cứng một chiếc 2 năm.
- Sắc cốt một chiếc 4 năm.

Điều 12. — Nguyên tắc cấp phát và sử dụng trang phục chấp hành viên.

1. Chấp hành viên được cấp trang phục theo thời hạn quy định.

2. Không được cho người khác mượn, làm quà tặng, mua bán, đổi chác trang phục.

3. Trường hợp trang phục bị mất hoặc hư hỏng có lý do chính đáng thì được cấp hoặc đổi lại.

Điều 13. — Chấp hành viên thuộc các tỉnh từ Quảng Nam — Đà Nẵng trở ra phía bắc và Tây Nguyên được cấp phát quần áo thu đông và xuân hè, các tỉnh từ Quảng Ngãi trở vào phía Nam cấp 2 bộ xuân hè (không cấp quần áo thu đông).

Điều 14. — Chế độ cấp và sử dụng thẻ chấp hành viên.

Chấp hành viên trưởng và chấp hành viên của Tòa án nhân dân tỉnh, huyện đều được cấp thẻ để sử dụng trong khi thi hành nhiệm vụ.

Thẻ chấp hành viên do Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp.

Khi thay đổi chức vụ, chấp hành viên được đổi thẻ khác phù hợp với chức vụ mới; khi thôi giữ chức vụ thì trả lại thẻ; khi chấp hành viên bị thi hành kỷ luật thì phải thu hồi thẻ.

Không được sử dụng thẻ chấp hành viên thay cho công lệnh, giấy giới thiệu công tác, giấy chứng minh nhân dân.

Trường hợp mất thẻ chấp hành viên phải báo cáo ngay cho đồn công an gần nhất và Tòa án nơi chấp hành viên công tác đề báo cáo Bộ Trưởng Bộ Tư pháp.

Điều 15. — Nghiêm cấm việc sử dụng trang phục và thẻ chấp hành viên vào mục đích cá nhân. Trường hợp lợi dụng trang phục và thẻ chấp hành viên làm điều phi pháp sẽ bị xử lý theo pháp luật.

Điều 16. — Người nào giả mạo hoặc lợi dụng trang phục, thẻ chấp hành viên để thực hiện hành vi trái pháp luật sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương IV

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 17. — Chấp hành viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định chung của Nhà nước.

Điều 18. — Chấp hành viên không thi hành đúng bản án, quyết định của Tòa án, vi phạm phẩm chất đạo đức thì bị xử lý kỷ luật (khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, buộc thôi việc, chịu trách nhiệm về vật chất) hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

Cấp nào quyết định bổ nhiệm thì do cấp đó quyết định hình thức kỷ luật theo đề nghị của Chánh án Tòa án nơi chấp hành viên công tác.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 89-HĐBT ngày 21-3-1990 về Ngày truyền thống phòng, chống thiên tai của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Đề động viên nhân dân, cán bộ và chiến sĩ cả nước nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phòng chống thiên tai và thể hiện tinh cảm và lòng biết ơn sâu sắc đối với Hồ Chủ tịch nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Người;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy lợi, Trưởng ban Chỉ huy phòng chống lụt bão Trung ương,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Nay lấy ngày 22-5 hàng năm làm Ngày truyền thống phòng chống thiên tai của Việt Nam.

Điều 2. — Trong Ngày truyền thống phòng chống thiên tai của Việt Nam, Ủy ban Nhân dân các cấp và các ngành có liên quan tổ chức những hoạt động thích hợp, nhằm cổ vũ nhân dân, cán bộ chiến sĩ tổng kiểm tra, hoàn tất mọi mặt công tác chuẩn bị phòng, chống lũ, lụt, bão với quyết tâm cao bảo vệ tốt tính mạng và tài sản của nhân dân và của Nhà nước.

Điều 3. — Bộ trưởng Bộ Thủy lợi, Trưởng ban Ban Chỉ huy chống lụt, chống bão Trung ương, Thủ trưởng các ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT